

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt

và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Quyết định số 281/2007/QĐ-BKHĐT ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 6322/SKHĐT-TH ngày 26 tháng 7 năm 2013 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2481/STP-VB ngày 11 tháng 7 năm 2013 về ban hành quy định tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 77/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về định mức chi phí lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 84/2009/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về định mức chi phí lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 77/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch

và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch
và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể
phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực
và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và xác định định mức chi phí lập (bao gồm lập mới và điều chỉnh), thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu quy định tại Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP, gồm:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.
2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của 5 huyện: Cần Giờ, Củ Chi, Nhà Bè, Hóc Môn, Bình Chánh.
3. Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, quản lý và công bố các dự án quy hoạch bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc xác định chi phí

1. Định mức chi phí tại Quy định này là mức chi phí cần thiết tối đa để thực hiện toàn bộ nội dung các công việc lập, thẩm định, phê duyệt và công bố dự án quy hoạch.

2. Định mức chi phí tại Quy định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng; chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định; chi phí để thực hiện các công việc khảo sát thăm dò và đo vẽ (hoặc mua) bản đồ (địa hình, địa chất, hành chính và các loại bản đồ khác) khu vực quy hoạch; chi phí lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

Căn cứ theo yêu cầu nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt, trường hợp cần thiết phải có các chi phí trên thì đơn vị được giao lập dự toán bổ sung dự toán chi tiết theo nhiệm vụ quy hoạch trên cơ sở áp dụng các định mức chi phí có liên quan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo hướng dẫn tại Phụ lục X của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu (sau đây gọi là Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT).

3. Trường hợp chi phí thuê tư vấn nước ngoài lập các dự án quy hoạch bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước vượt quá định mức tại Quy định này phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định hiện hành.

Chương II**TỔ CHỨC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG, NHIỆM VỤ
QUY HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP, ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN
QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ
SẢN PHẨM CHỦ YẾU**

Điều 4. Căn cứ lập đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu

1. Các văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết, Quyết định về chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Hội đồng nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố liên quan đến dự án cần lập quy hoạch.

2. Các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Bộ quản lý ngành đặt ra yêu cầu phải lập quy hoạch.

3. Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu và các quy định hiện hành về quản lý tài chính.

4. Thuộc danh mục quy hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đối với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp kiến nghị của các sở - ngành và lập báo cáo danh mục các ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố cần lập quy hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

Điều 5. Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

1. Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân của 5 huyện có trách nhiệm xây dựng đề cương, nhiệm vụ quy hoạch, dự toán kinh phí và trình phê duyệt theo quy định.

2. Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch của dự án quy hoạch gồm các nội dung chính như sau:

a) Tên dự án quy hoạch.

b) Các căn cứ để lập quy hoạch.

c) Mục tiêu, yêu cầu và các vấn đề chính cần giải quyết của dự án quy hoạch.

d) Các nội dung chủ yếu của các loại quy hoạch tương ứng theo quy định tại các Điều 19, 22 và 26 của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP.

đ) Các yêu cầu về hồ sơ sản phẩm của dự án quy hoạch.

e) Yêu cầu về tiến độ, trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình xây dựng dự án quy hoạch.

3. Dự toán kinh phí đối với dự án quy hoạch được lập theo Quy định này và xác định nguồn vốn lập quy hoạch (nếu có).

Điều 6. Thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

1. Đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố: Hội đồng thẩm định thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch. Số lượng thành viên, cơ cấu, thành phần của Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định nhưng phải có ít nhất hai (02) thành viên là chuyên gia am hiểu về lĩnh vực liên quan đến quy hoạch.

2. Đối với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của 5 huyện: Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch trên cơ sở lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan có liên quan và tổng hợp ý kiến thẩm định.

3. Báo cáo kết quả thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí được lập bằng văn bản bao gồm một số nội dung chủ yếu sau:

a) Các căn cứ pháp lý, sự cần thiết và vai trò của dự án quy hoạch.

b) Sự phù hợp về nội dung của đề cương, nhiệm vụ quy hoạch, dự toán kinh phí và nguồn vốn lập quy hoạch.

c) Kết luận của Hội đồng thẩm định hoặc của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 7. Trình phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

1. Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân của 5 huyện trình hồ sơ đề nghị phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí đối với dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt bao gồm:

a) Tờ trình của các sở - ngành, Ủy ban nhân dân của 5 huyện.

b) Báo cáo kết quả thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của Hội đồng thẩm định hoặc của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 của Quy định này.

c) Dự thảo Quyết định phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí theo mẫu quy định tại Phụ lục I.

Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí đối với các dự án quy hoạch do các sở - ngành, Ủy ban nhân dân của 5 huyện lập.

Điều 9. Quy định bố trí vốn đối với các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu

Sở Tài chính chịu trách nhiệm bố trí vốn cho các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên cơ

sở Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Chương III

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ LẬP, THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ SẢN PHẨM CHỦ YẾU

Điều 10. Định mức chi phí tối đa của dự án lập mới quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố

1. Định mức chi phí tối đa của dự án lập mới quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố:

a) Áp dụng công thức tính tại Điều 5 và các Phụ lục I, II, III, XI của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT, tổng mức chi phí tối đa được xác định cụ thể như sau:

$$\begin{aligned} G_{QH TP Hồ Chí Minh} &= G_{chuẩn} \times H_1 \times H_2 \times H_3 \times K \\ &= 850 \times 1 \times 4,5 \times 1,08 \times K \end{aligned}$$

Trong đó:

$G_{QH TP Hồ Chí Minh}$ là tổng mức chi phí tối đa cho dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị triệu đồng).

$G_{chuẩn} = 850$ (triệu đồng), là mức chi phí cho dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

H_1 - hệ số cấp độ địa bàn của Thành phố Hồ Chí Minh = 1.

H_2 - hệ số điều kiện làm việc và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh = 4,5.

H_3 - hệ số quy mô diện tích tự nhiên của Thành phố Hồ Chí Minh = 1,08.

K là hệ số điều chỉnh lương tối thiểu và mặt bằng giá tiêu dùng = $K1$ cộng (+) $K2$:

$K1 = 0,3$ nhân (x) với Chỉ số giá tiêu dùng được Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh công bố tại thời điểm tính toán (cách tính tại Phụ lục II đính kèm).

$K2 = 0,7$ nhân (x) với Hệ số điều chỉnh lương tối thiểu. Hệ số điều chỉnh lương

tối thiểu được xác định = Mức lương tối thiểu khi Nhà nước thay đổi tại thời điểm tính toán chia cho 830.000 đồng/tháng.

b) Định mức cho các khoản mục chi phí của dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Phụ lục V của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT.

2. Định mức chi phí tối đa của dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện không quá 40% định mức chi phí tối đa của dự án lập mới quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự toán cho dự án quy hoạch tại thời điểm cụ thể sẽ được điều chỉnh theo K. Định mức cho các khoản mục chi phí của dự án quy hoạch của huyện theo quy định tại Phụ lục VI của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT.

3. Định mức chi phí tối đa cho các dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu:

a) Áp dụng công thức tính tại Điều 7 và các phụ lục I, II, III, VII, XI của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT, tổng mức chi phí tối đa cho các dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu được tính như sau:

$$\begin{aligned} G_{\text{QH\&N}} &= G_{\text{chu\&an}} \times H_1 \times H_2 \times H_3 \times Q_n \times K \\ &= 850 \times 1 \times 4,5 \times 1,08 \times Q_n \times K \end{aligned}$$

Trong đó:

$G_{\text{QH\&N}}$ là tổng mức chi phí cho dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu (đơn vị triệu đồng).

$G_{\text{chu\&an}}$ và các hệ số H_1, H_2, H_3, K được áp dụng như định mức chi phí tối đa của dự án lập mới quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này.

Q_n : Hệ số khác biệt giữa quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu được xác định theo Phụ lục III đính kèm.

b) Định mức cho các khoản mục chi phí của dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của thành phố tại Phụ lục IX của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT.

c) Định mức chi phí cho các dự án quy hoạch phát triển một ngành, lĩnh vực là thành phần của một ngành, lĩnh vực chủ yếu không quá 50% định mức được quy định cho ngành, lĩnh vực chủ yếu đó.

Điều 11. Định mức chi phí tối đa của dự án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố

Mức chi phí tối đa cho các dự án điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng dự toán trên cơ sở nội dung cần điều chỉnh trong quy hoạch đã phê duyệt.

1. Đối với quy hoạch đã thực hiện từ 5 năm trở lên thì mức chi phí không vượt quá 65% tổng chi phí ở mức tối đa của dự án lập mới quy hoạch đó tại thời điểm lập dự toán.

2. Đối với dự án quy hoạch cần điều chỉnh theo Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, mức chi phí không vượt quá 10% tổng chi phí ở mức tối đa của dự án lập mới quy hoạch đó tại thời điểm lập dự toán.

3. Định mức cho các khoản mục chi phí của dự án điều chỉnh quy hoạch (tính theo tỷ lệ phần trăm của tổng mức chi) áp dụng như định mức cho các khoản mục chi phí của dự án lập mới quy hoạch quy định tại Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT.

Điều 12. Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí lập, điều chỉnh dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu

1. Đối với dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện: Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch lập mới và dự án điều chỉnh bằng 1% dự toán của dự án quy hoạch đó.

2. Đối với dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu: Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch lập mới và dự án điều chỉnh bằng 1,5% dự toán của dự án quy hoạch đó.

3. Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch được để lại toàn bộ cho cơ quan thẩm định.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các dự án quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt

đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí lập quy hoạch trước ngày 01 tháng 4 năm 2012 và đã ký kết hợp đồng thuê tư vấn thì thực hiện theo Quyết định đã được phê duyệt.

2. Trường hợp đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí lập quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư số 01/2012/TT-BKH có hiệu lực nhưng chưa ký kết hợp đồng thuê tư vấn lập quy hoạch thì người có thẩm quyền phê duyệt dự toán có quyền điều chỉnh dự toán theo quy định tại Thông tư này.

3. Cục Thống kê thành phố có trách nhiệm hướng dẫn việc áp dụng công thức tính Chỉ số giá tiêu dùng tại thời điểm tính toán so với tháng 02 năm 2012 quy định tại Phụ lục II.

4. Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân 5 huyện và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai công tác quy hoạch thuộc phạm vi quản lý của mình theo Quy định này.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc khi áp dụng các định mức chi phí quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu, các đơn vị phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn. Nếu vượt quá thẩm quyền, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

Phụ lục I**Mẫu Quyết định phê duyệt Đề cương,
nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm (1)

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí
dự án quy hoạch ... (2) ...****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam; Căn cứ Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ kết quả thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của quy hoạch ... (2);

Xét đề nghị của ... (3),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án quy hoạch với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án quy hoạch: ... (2) ...
 2. Cơ quan lập quy hoạch: ...
 3. Mục tiêu, yêu cầu của dự án quy hoạch:....
 4. Nhiệm vụ của dự án quy hoạch:
 5. Sản phẩm của dự án quy hoạch ... (báo cáo tổng hợp, báo cáo chuyên đề, hệ thống bản đồ ...).
 6. Kinh phí thực hiện: ... (bằng số và chữ).
 7. Tiến độ thực hiện: ...
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Trách nhiệm của các cơ quan, liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Năm phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí.
- (2) Tên quy hoạch.
- (3) Cơ quan trình phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí quy hoạch.

Phụ lục II**Xác định Chỉ số giá tiêu dùng tại thời điểm tính toán
so với tháng 02 năm 2012**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chỉ số giá tiêu dùng tại thời điểm tính toán (tháng t, năm n) so với tháng 2 năm 2012 (thời điểm Thông tư số 01/2012/TT-BKH có hiệu lực) được tính bằng phương pháp nhân liên hoàn chỉ số giá tiêu dùng từng tháng so với tháng trước như sau:

$$\text{CPI tháng } t \text{ năm } n \text{ so với tháng } 2/2012 = \text{CPI tháng } 3 \text{ năm } 2012 \text{ so với tháng trước} \times \text{CPI tháng } 4 \text{ năm } 2012 \text{ so với tháng trước} \dots \times \text{CPI tháng } 12 \text{ năm } 2012 \text{ so với tháng trước} \times \text{CPI tháng } 1 \text{ năm } 2013 \text{ so với tháng trước} \dots \times \text{CPI tháng } t \text{ năm } n \text{ so với tháng trước.}$$

Trong đó:

$\text{CPI tháng } t \text{ năm } n \text{ so với tháng } 2/2012$: Chỉ số giá tiêu dùng tháng t năm n tại thời điểm lập dự toán so với tháng 2 năm 2012.

PHỤ LỤC III**Hệ số khác biệt giữa các quy hoạch phát triển ngành,
lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu***(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

TT	Tên ngành, lĩnh vực và sản phẩm	Qn
I	Kết cấu hạ tầng	
1	Kết cấu hạ tầng giao thông	
1.1	Hệ thống Hạ tầng giao thông chung	0.35
1.2	Hệ thống Đường bộ	0.25
1.3	Hệ thống Đường sắt	0.25
1.4	Hệ thống Cảng sông	0.25
1.5	Hệ thống Cảng biển	0.25
1.6	Hệ thống Cảng hàng không và sân bay	0.20
2	Kết cấu hạ tầng năng lượng	
2.1	Hệ thống hạ tầng năng lượng chung	0.35
2.2	Mạng cung ứng điện (nhà máy phát điện; mạng lưới truyền tải điện; trạm biến áp; phân phối điện địa phương)	0.35
2.3	Hệ thống cung ứng khí đốt	0.25
2.4	Hệ thống cung ứng xăng, dầu	0.25
2.5	Khai thác, chế biến than	0.25
3	Kết cấu hạ tầng quản lý nước	
3.1	Hệ thống dự trữ nước ngọt cấp vùng	0.20
3.2	Hệ thống kiểm soát lũ lụt	0.20
3.3	Hệ thống tưới tiêu	0.20
3.4	Hệ thống thoát nước	0.20
4	Kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông	
4.1	Hạ tầng viễn thông	0.20
4.2	Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động	0.20
4.3	Hệ thống bưu cục	0.18
4.4	Hệ thống mạng điện thoại cố định	0.16

4.5	Hệ thống mạng điện thoại di động	0.16
4.6	Hệ thống phát thanh và truyền hình	0.14
4.7	Hệ thống truyền hình	0.12
4.8	Hệ thống mạng Internet	0.12
5	<i>Kết cấu hạ tầng xử lý chất thải rắn; chất thải nguy hại</i>	0.15
6	<i>Hệ thống quan trắc và đo lường địa cầu</i>	
6.1	Hệ thống quan trắc thời tiết	0.10
6.2	Hệ thống quan trắc thủy triều	0.10
6.3	Hệ thống quan trắc địa chấn	0.10
7	<i>Kết cấu hạ tầng tài chính</i>	0.10
8	<i>Kết cấu hạ tầng sản xuất</i>	
8.1	Hệ thống các khu công nghiệp; hệ thống các khu kinh tế; khu chế xuất; Khu Công nghệ cao; Cụm Công nghiệp	0.30
8.2	Các mỏ đang khai thác và nhà máy chế biến quặng	0.13
8.3	Khu vực canh tác nông nghiệp, rừng, thủy hải sản	0.20
9	<i>Kết cấu hạ tầng xã hội</i>	
9.1	Hệ thống chăm sóc sức khỏe (bệnh viện và bảo hiểm y tế; hệ thống y tế cộng đồng và phòng dịch)	0.15
9.2	Hệ thống hạ tầng giáo dục đào tạo (trường phổ thông; trường dạy nghề; trường trung cấp; trường cao đẳng; trường đại học; học viện)	0.15
9.3	Mạng lưới cơ sở dạy nghề	0.15
9.4	Hệ thống phúc lợi xã hội quốc gia	0.10
9.5	Hoạt động bảo trợ xã hội	0.10
9.6	Hệ thống tổ chức hoạt động giới thiệu việc làm	0.10
II	Sản xuất kinh doanh	
1	Công nghiệp	0.31
1.1	Sản xuất điện	0.30
1.2	Cơ khí chế tạo	0.18
1.3	Luyện kim	0.15
1.4	Hóa chất	0.15
1.4.1	Phân bón	0.10

1.5	Dược	0.10
1.6	Rượu	0.12
1.7	Bia	0.12
1.8	Sữa, sản phẩm dinh dưỡng có sữa	0.10
1.9	Dệt may	0.12
1.10	Da giày	0.10
1.11	Hương liệu - mỹ phẩm	0.10
1.12	Sành sứ, thủy tinh	0.10
1.13	Vật liệu xây dựng	0.12
1.14	Cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng	0.15
2	Nông nghiệp	0.30
2.1	Trồng trọt	0.17
2.2	Chăn nuôi	0.12
3	Thủy, hải sản	0.15
4	Lâm nghiệp	0.13
5	Thương mại	0.15
6	Vận tải	0.15
7	Du lịch	0.15
8	Karaoke, vũ trường	0.10
9	Dịch vụ xoa bóp	0.15
10	Y tế	0.15
11	Tài chính	0.10
12	Ngân hàng	0.10
13	Văn hóa	0.13
14	Báo chí, xuất bản	0.10
15	Quảng cáo	0.08
16	Thông tin - truyền thông	0.15
17	Công nghiệp công nghệ thông tin	0.13
18	Công nghệ thông tin	0.13
19	Tư pháp	0.08
20	Phòng cháy, chữa cháy	0.08

21	Quốc phòng-an ninh	0.08
22	Thể dục thể thao	0.10
23	Khoa học - Công nghệ	0.08
24	Tài nguyên và môi trường	0.12
25	Giáo dục và đào tạo	0.15
III	Đối với các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực không nằm trong phụ lục, tùy theo từng thời kỳ sẽ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định	
IV	Sản phẩm chủ yếu (theo quyết định ban hành danh mục cho từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội)	0.10